TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Quang Truyền
2/ Bà Huỳnh Thị Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị P.T.T.N, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ 8, ấp B.S, xã HĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Lê Duy - thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 761, Bời Lời, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh L.T.Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, đường Nguyễn Văn Linh, ấp T.L, xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P.T.T.N trình bày: Chị và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình vợ chồng sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cải vã nhau, nhiều lần hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Yến Nhi, sinh ngày 27/10/2018. Lê Nhi Ý, sinh ngày 29/6/2021, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu, vợ chồng không nợ chung.

Tại lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2024, bị đơn anh L.T.Đ trình bày: Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.T, thị xã Hòa Thành, thời gan vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Yến Nhi, sinh ngày 27/10/2018; Lê Nhi Ý, sinh ngày 29/6/2021, hiện đang sống với vợ, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi dưỡng, hiện tại anh đang chấp hành án, chưa có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, nên anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Con chung: Có 02 con chung giao cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị P.T.T.N là nguyên đơn, anh L.T.Đ là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N và anh Đ.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị P.T.T.N và anh L.T.Đ chung sống với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 11 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T.T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, theo chị N và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, hiện tại anh Đ đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cầy Tây Ninh. Do đó, giữa chị N và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ đồng ý ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Yến Nhi, sinh ngày 27/10/2018; Lê Nhi Ý, sinh ngày 29/6/2021, hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu

nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh Đ đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, nên cần giao cho chị N tiếp tục nuôi con chung và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.T.T.N đối với anh L.T.Đ.

Chị P.T.T.N và anh L.T.Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị P.T.T.N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thị Yến Nhi, sinh ngày 27/10/2018; Lê Nhi Ý, sinh ngày 29/6/2021.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010803 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.